

Số: 42/BC-TH&THCSPL

*Cát Hải, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm học: 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 09/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ hướng dẫn của cấp trên và tình hình thực tế, trường TH&THCS Phù Long báo cáo thường niên năm học 2025- 2026 như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục**

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phù Long.

**2. Địa chỉ:** Thôn Ngoài, đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225.886.466

Website: <https://th-thcsphulong.haiphong.edu.vn>

**3. Loại hình:** Trường TH&THCS công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

**4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu**

**Sứ mệnh:** Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao với chủ đề năm học “Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”!

**Tầm nhìn:** Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hạnh phúc, hiện đại

**Hệ thống giá trị cơ bản:** Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

**Mục tiêu chung:** Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

- Lịch sử hình thành: Trường được thành lập năm 1957 trong điều kiện cơ phòng vật chất, đội ngũ nhà trường còn nhiều thiếu thốn, khó khăn. Tiền đề của trường TH&THCS Phù Long là trường Tiểu học, đến năm học 1964-1965 trường mới có lớp học cấp hai. Năm 2010 trường được đổi tên là trường TH&THCS Phù Long theo Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2010 của UBND huyện Cát Hải đến 03/7/2025 theo Quyết định số 152/QĐ-UBND của UBND đặc khu Cát Hải về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập về trực thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải cho đến nay. Những năm qua nhà trường đã và

đang đi trên chặng đường đầy thử thách, khó khăn gắn với những thăng trầm của lịch sử quê hương và dân tộc nhưng cũng có những thuận lợi cơ bản nhất định. Những kết quả mà nhà trường đã đạt được đã chứng minh điều đó. Nhà trường đang từng bước phát triển bền vững, phấn đấu trở thành một ngôi trường bề thế, khang trang từng bước tiến tới chuẩn hóa, có chất lượng giáo dục tốt trong đặc khu Cát Hải, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh và học sinh và các cấp quản lý.

Trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, trường TH&THCS Phù Long nằm tại Thôn Ngoài, đặc khu Cát Hải với đường tỉnh lộ 356 đi qua, giao thông đi lại thuận lợi đã tác động mạnh mẽ đến việc phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Trường TH&THCS Phù Long là một khu riêng biệt, với tổng diện tích 5322 m<sup>2</sup> gồm 01 dãy nhà 2 tầng, 12 phòng (gồm 10 phòng học + 03 phòng học bộ môn) và 02 dãy nhà 2 tầng với các khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị. Khuôn viên trường rộng rãi đạt so với Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học quy định về diện tích/học sinh, quang cảnh sạch đẹp, trong lành. Trường có tường bao xây riêng biệt đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trường học là một trong các yếu tố hết sức quan trọng góp phần phát triển giáo dục. Trong những năm qua, được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp nên cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của Nhà trường đến nay đã trang bị số phòng học, phòng học chức năng đã được cải thiện rõ rệt, khu nhà đa chức năng của nhà trường đã đưa vào sử dụng từ tháng 6/2025.

- Trường TH&THCS Phù Long là trường công lập do UBND đặc khu Cát Hải thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình giáo dục tiểu học và THCS do Bộ GD&ĐT ban hành. Quá trình xây dựng phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương; thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Người đại diện pháp luật: Trần Thế Thanh. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Ngoài, đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng

Số điện thoại: 0982726598. Gmail: [hongvy2007@gmail.com](mailto:hongvy2007@gmail.com)

## **7. Tổ chức bộ máy**

### **a) Quyết định thành lập trường**

Tiền đề của trường TH&THCS Phù Long là trường Tiểu học, đến năm học 1964-1965 trường mới có lớp học cấp hai. Năm 2010 trường được đổi tên là trường TH&THCS Phù Long theo Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2010 của UBND huyện Cát Hải. đến 03/7/2025 theo Quyết định số 152/QĐ-UBND của UBND đặc khu Cát Hải về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập về trực thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải cho đến nay.

### **b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu**

### **trường cơ sở giáo dục**

- Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:
- + Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 01/9/2024 của UBND huyện Cát Hải về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường TH&THCS Phù Long.
- + Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND đặc khu Cát Hải về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường TH&THCS Phù Long thuộc đặc khu Cát Hải.
- Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng:
- + Quyết định số 1395/ QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND huyện Cát Hải về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường TH&THCS Phù Long.
- + Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND đặc khu Cát Hải về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường TH&THCS Phù Long thuộc đặc khu Cát Hải.

### **d) Quy chế tổ chức và hoạt động**

#### **\* Cơ chế hoạt động của trường TH&THCS Phù Long**

Trường TH&THCS Phù Long có cơ cấu tổ chức và quản lý chặt chẽ, khoa học, bộ máy nhà trường theo đúng Điều lệ trường trung học phổ thông và quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống tổ chức nhà trường gồm có 01 Chi bộ Đảng cơ sở có con dấu riêng, Bí thư Chi bộ cũng là Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo toàn diện mọi mặt của nhà trường. Nhà trường có tổ chức Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng... Hội đồng sư phạm; Hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ trưởng tổ phó chuyên môn,... Các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các bộ phận hoạt động dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và sự quản lý trực tiếp của Hiệu trưởng, có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Chi bộ, Hội đồng sư phạm và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; hoàn thiện hồ sơ khi kết thúc hoạt động của Hội đồng trường; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của

nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

\* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

- Trường TH&THCS Phù Long là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) công lập nằm trong hệ thống giáo dục phổ thông của thành phố Hải Phòng, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND đặc khu Cát Hải, dưới sự quản lý chuyên môn của Sở GD&ĐT, Phòng VH-XH UBND đặc khu Cát Hải trực tiếp quản lý nhà nước. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tiểu học, trung học cơ sở, đảm bảo thực hiện đầy đủ kế hoạch và chương trình giáo dục toàn diện của trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Trường TH&THCS Phù Long có các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp Tiểu học và THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi địa bàn bốn thôn (thôn Ngoài, thôn Bắc, thôn Nam, thôn Ao Cối) thuộc đặc khu Cát Hải.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý, sử dụng đất đai, trường sở, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

\* Tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

| TT | Họ và tên           | Chức vụ     | Số điện thoại | Thư điện tử                                                                    |
|----|---------------------|-------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Trần Thế Thanh      | Hiệu trưởng | 0982726598    | <a href="mailto:hongvy07@gmail.com">hongvy07@gmail.com</a>                     |
| 2  | Nguyễn Thị Hiệp Hòa | PHT         | 0387466304    | <a href="mailto:nguyenthihiephoa75@gmail.com">nguyenthihiephoa75@gmail.com</a> |

## 8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

\* Chiến lược phát triển nhà trường:

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 38/QĐ-TH&THCSPL ngày 18/9/2025 về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

## 1. Đội ngũ

[illegible]

|                             |                       |           |           |          |          |           |           |           |          |           |          |
|-----------------------------|-----------------------|-----------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|-----------|----------|-----------|----------|
| 4                           | GV GDTC               | 0         | 0         | 0        | 0        | 0         | 0         | 0         | 0        | 0         | 0        |
| 5                           | GV Tin học            | 0         | 0         | 0        | 0        | 0         | 0         | 0         | 0        | 0         | 0        |
| 6                           | GV Ngoại ngữ          | 0         | 0         | 0        | 0        | 0         | 0         | 0         | 0        | 0         | 0        |
| <b>II</b>                   | <b>GV THCS</b>        | <b>9</b>  | <b>9</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>2</b>  | <b>7</b>  | <b>3</b> | <b>6</b>  | <b>0</b> |
| 1                           | GV Toán               | 2         | 1         | 0        | 0        | 0         | 0         | 2         | 1        | 1         | 0        |
| 2                           | GV Ngữ văn            | 1         | 1         | 1        | 0        | 0         | 0         | 1         | 0        | 1         | 0        |
| 3                           | GV Hóa – Sinh         | 1         | 1         | 0        | 0        | 0         | 1         | 0         | 0        | 1         | 0        |
| 4                           | GV Lịch sử            | 1         | 1         | 0        | 0        | 0         | 0         | 1         | 1        | 0         | 0        |
| 5                           | GV Địa                | 1         | 1         | 0        | 0        | 0         | 0         | 1         | 0        | 1         | 0        |
| 6                           | GV Tiếng anh          | 1         | 1         | 0        | 0        | 0         | 0         | 1         | 0        | 1         | 0        |
| 7                           | GV TPT                | 1         | 1         | 0        | 0        | 0         | 0         | 1         | 1        | 0         | 0        |
| 8                           | GV Lý                 | 1         | 1         | 0        | 0        | 0         | 1         | 0         | 0        | 1         | 0        |
| <b>III</b>                  | <b>Cán bộ quản lý</b> | <b>2</b>  | <b>2</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>1</b>  | <b>1</b>  | <b>1</b> | <b>1</b>  | <b>0</b> |
| 1                           | Hiệu trưởng           | 1         | 1         | 0        | 0        | 0         | 0         | 1         | 0        | 1         | 0        |
| 2                           | P. Hiệu trưởng        | 1         | 1         | 0        | 0        | 0         | 1         | 0         | 1        | 0         | 0        |
| <b>IV</b>                   | <b>Nhân viên</b>      | <b>4</b>  | <b>1</b>  | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>3</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>0</b> |
| 1                           | Kế toán               | 1         | 0         | 1        | 0        | 1         | 0         | 0         |          |           |          |
| 2                           | VT-TV                 | 1         | 1         | 0        | 0        | 1         | 0         | 0         |          |           |          |
| 3                           | Thiết bị              | 1         | 0         | 1        | 0        | 1         | 0         | 0         |          |           |          |
| 4                           | Bảo vệ                | 1         | 0         | 0        | 0        | 0         | 0         | 0         |          |           |          |
| <b>Tổng số GV, CBQL, NV</b> |                       | <b>23</b> | <b>19</b> | <b>3</b> | <b>0</b> | <b>03</b> | <b>06</b> | <b>13</b> | <b>8</b> | <b>11</b> | <b>0</b> |

## 2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Tự đánh giá: Khá
- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 18 (trong đó Tốt: 8/18 đạt 44,4%; Khá 10/18 đạt 55,6%; TB: 0).

## 3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 22/22 đạt 100% trong đó BGH: 02, GV: 18, Nhân viên: 03.

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

### 1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

| STT      | Các hạng mục công trình           | Số lượng |         |             |               |
|----------|-----------------------------------|----------|---------|-------------|---------------|
|          |                                   | Tổng số  | Kiên cố | Bán kiên cố | Nhờ, mượn tạm |
| <b>1</b> | <b>Khối phòng học tập</b>         |          |         |             |               |
| 1.1      | Phòng học                         | 9        | 9       | 0           |               |
| 1.2      | Phòng học bộ môn Âm nhạc+Mỹ thuật | 1        | 1       | 0           |               |
| 1.3      | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ        | 1        | 1       | 0           |               |

|          |                                                                            |                     |   |   |   |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------|---|---|---|
| 1.4      | Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ                                      | 1                   | 1 | 0 |   |
| 1.5      | Phòng học bộ môn Tin học                                                   | 1                   | 1 | 0 |   |
| 1.6      | Phòng học KHTN                                                             | 1                   | 1 | 0 |   |
| 1.7      | Phòng Tin học                                                              | 1                   | 1 | 0 |   |
| <b>2</b> | <b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>                                           |                     |   |   |   |
| 2.1      | Thư viện                                                                   | 1                   | 1 | 0 |   |
| 2.2      | Phòng thiết bị giáo dục                                                    | 1                   | 1 | 0 |   |
| 2.3      | Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập |                     |   | 0 |   |
| 2.4      | Phòng Đội Thiếu niên                                                       | 1                   | 1 |   |   |
| 2.5      | Phòng truyền thống                                                         | 1                   | 1 | 0 |   |
| <b>3</b> | <b>Khối phụ trợ</b>                                                        |                     |   |   |   |
| 3.1      | Phòng họp                                                                  | 1                   | 1 | 0 |   |
| 3.2      | Phòng Y tế trường học                                                      | 1                   | 1 | 0 |   |
| 3.3      | Nhà kho                                                                    | 0                   |   |   |   |
| 3.4      | Khu để xe học sinh                                                         | 1                   | 1 | 0 | 0 |
| 3.5      | Khu vệ sinh học sinh                                                       | 1                   | 1 | 0 | 0 |
| 3.6      | Phòng giáo viên                                                            | 0                   |   |   |   |
| 3.7      | Phòng nghỉ giáo viên                                                       | 0                   |   |   |   |
| 3.8      | Nhà công vụ cho giáo viên                                                  | 6                   | 6 |   |   |
| <b>4</b> | <b>Khu sân chơi, thể dục thể thao</b>                                      |                     |   |   |   |
| 4.1      | Sân trường                                                                 | 1                   | 1 |   |   |
| 4.2      | Sân thể dục thể thao                                                       | 0                   |   |   |   |
| 4.3      | Nhà đa năng                                                                | 1                   |   |   |   |
| <b>5</b> | <b>Tổng diện tích đất ( m<sup>2</sup>)</b>                                 | 5322 m <sup>2</sup> |   |   |   |
| <b>6</b> | <b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>                         | 2000 m <sup>2</sup> |   |   |   |
| <b>7</b> | <b>Diện tích các phòng</b>                                                 | 2096 m <sup>2</sup> |   |   |   |
| 7.1      | Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )                                      | 56 m <sup>2</sup>   |   |   |   |
| 7.2      | Diện tích phòng Thư viện (m <sup>2</sup> )                                 | 65 m <sup>2</sup>   |   |   |   |
| 7.3      | Diện tích phòng Ngoại ngữ                                                  | 56 m <sup>2</sup>   |   |   |   |
| 7.4      | Diện tích phòng Tin học                                                    | 56 m <sup>2</sup>   |   |   |   |
| <b>8</b> | <b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: Bộ)</b>                |                     |   |   |   |
| 8.1      | Tổng số TBDH TT hiện có theo quy định                                      | 5                   |   |   |   |
| 8.1.1    | Khối lớp 1                                                                 | 1                   |   |   |   |
| 8.1.2    | Khối lớp 2                                                                 | 1                   |   |   |   |

|           |                                                                             |    |       |  |  |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|----|-------|--|--|
| 8.1.3     | Khối lớp 3                                                                  | 1  |       |  |  |
| 8.14      | Khối lớp 4                                                                  | 1  |       |  |  |
| 8.15      | Khối lớp 5                                                                  | 1  |       |  |  |
| 8.2       | Tổng số TBDH TT còn thiếu so theo quy định                                  | 0  |       |  |  |
| 8.2.1     | Khối lớp 1                                                                  | 0  |       |  |  |
| 8.2.2     | Khối lớp 2                                                                  | 0  |       |  |  |
| 8.2.3     | Khối lớp 3                                                                  | 0  |       |  |  |
| 8.2.4     | Khối lớp 4                                                                  | 0  |       |  |  |
| 8.2.5     | Khối lớp 5                                                                  | 0  |       |  |  |
| <b>9</b>  | <b>Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ)</b> | 05 |       |  |  |
| <b>10</b> | <b>Tổng số thiết bị dùng chung</b>                                          |    |       |  |  |
| 10.1      | Ti vi                                                                       | 02 |       |  |  |
| 10.2      | Cát sét                                                                     | 0  |       |  |  |
| 10.3      | Máy chiếu                                                                   | 1  |       |  |  |
| 10.4      | Máy soi                                                                     | 2  |       |  |  |
|           |                                                                             | Có | Không |  |  |
| <b>11</b> | <b>Nguồn nước sinh hoạt hợp VS</b>                                          | x  |       |  |  |
| <b>12</b> | <b>Nguồn điện lưới</b>                                                      | x  |       |  |  |
| <b>13</b> | <b>Kết nối Internet</b>                                                     | x  |       |  |  |
| <b>14</b> | <b>Trang Thông tin điện tử (website) của trường</b>                         | x  |       |  |  |
| <b>15</b> | <b>Tường rào</b>                                                            | x  |       |  |  |

## 2. Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt dùng trong nhà trường năm học 2025-2026

### 2.1. Đối với lớp 1:

| STT | Tên sách                                      | Tác giả                                                                                                                                                | Nhà xuất bản                                       |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Âm nhạc 1<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.                           | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                     |
| 2   | Tiếng Việt 1<br>(Cánh diều)                   | Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hoà Bình, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Ly Kha, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh. | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | Toán 1<br>(Cánh diều)                         | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.                                             | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm                       |

|   |                                                 |                                                                                                                                          |                                                    |
|---|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 4 | Đạo đức 1<br>(Cánh diều)                        | Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.                 | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5 | Tự nhiên và Xã hội 1<br>(Cánh diều)             | Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang.                         | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm                       |
| 6 | Hoạt động trải nghiệm 1<br>(Cánh diều)          | Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế.                                     | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7 | Giáo dục Thể chất 1<br>(Cánh diều)              | Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường.                                                                       | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm                       |
| 8 | Mĩ thuật 1<br>(Cùng học để phát triển năng lực) | Đoàn Thị Mỹ Hương (Tổng Chủ biên), Trịnh Đức Minh, Bạch Ngọc Diệp (đồng Chủ biên), Nguyễn Gia Bảy, Nguyễn Quỳnh Nga, Trần Thị Thu Trang. | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                     |

## 2.2. Đối với lớp 2:

| STT | Tên sách                                      | Tác giả                                                                                                                                                                                                      | Nhà xuất bản           |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1   | Tiếng Việt 2<br>(Cánh diều)                   | Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Hà, Đặng Kim Nga, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Tố Ninh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Bích Thủy, Lê Hữu Tinh. | NXB ĐHSP Thành phố HCM |
| 2   | Toán 2<br>(Cánh diều)                         | Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.                                                                                                   | NXB ĐH Sư phạm         |
| 3   | Đạo Đức 2<br>(Cánh diều)                      | Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hường.                                                                                                            | NXB ĐHSP Thành phố HCM |
| 4   | Tự nhiên và xã hội 2<br>(Cánh diều)           | Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Phạm Thanh Huyền.                                                                                                 | NXB ĐH Sư phạm         |
| 5   | Giáo dục Thể chất 2<br>(Cánh diều)            | Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Phạm Đông Đức (Chủ biên), Phạm Tràng Kha, Nguyễn Duy Linh.                                                                                                                   | NXB ĐH Sư phạm         |
| 6   | Âm nhạc 2<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.     | NXB Giáo dục VN        |
| 7   | Mỹ thuật 2<br>(Chân trời)                     | Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng                                                                                                                            | NXB Giáo dục VN        |

|   |                                     |                                                                                                                                                |                          |
|---|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|   | sáng tạo)                           | Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân. |                          |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm 2 (Cánh điều) | Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.                                              | NXB ĐHS<br>Thành phố HCM |

### 2.3. Đối với lớp 3:

| STT | Tên sách                                   | Tác giả                                                                                                                                                         | Nhà xuất bản                                       |
|-----|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Tiếng Việt 3 (Cánh điều)                   | Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng.                                       | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
|     |                                            | Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Đỗ Thu Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.                                |                                                    |
| 2   | Toán 3 (Cánh điều)                         | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.                                                      | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm                       |
| 3   | Đạo đức 3 (Cánh điều)                      | Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.         | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | Tự nhiên và Xã hội 3 (Cánh điều)           | Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.                                                   | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm                       |
| 5   | Tin học 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống) | Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.                         | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                     |
| 6   | Công nghệ 3 (Cánh điều)                    | Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên), Nhữ Thị Việt Hoa, Nguyễn Thị Mai Lan.                                                           | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7   | Giáo dục Thể chất 3 (Cánh điều)            | Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.                                                | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm                       |
| 8   | Âm nhạc 3 (Cánh điều)                      | Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.                                                                              | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9   | Mĩ thuật 3 (Chân trời sáng tạo)            | Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận. | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                     |

|    |                                                             |                                                                                                                                           |                                                    |
|----|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 10 | Hoạt động trải nghiệm 3 (Cánh điều)                         | Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.                                         | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11 | Tiếng Anh 3 (Global Success-Kết nối tri thức với cuộc sống) | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn. | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                     |

#### 2.4. Đối với lớp 4:

| STT | Tên sách                                   | Tác giả                                                                                                                                                           | Nhà xuất bản                                       |
|-----|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Tiếng Việt 4 (Cánh điều)                   | Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Phan Thị Hồ Điệp, Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng, Trần Bích Thủy. | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
|     |                                            | Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh, Đặng Thị Yến.                           |                                                    |
| 2   | Toán 4 (Cánh điều)                         | Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.                                                        | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm                       |
| 3   | Đạo đức 4 (Cánh điều)                      | Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.           | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4   | Tin học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống) | Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.                                           | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                     |
| 5   | Công nghệ 4 (Cánh điều)                    | Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh.                                                         | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6   | Giáo dục Thể chất 4 (Cánh điều)            | Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.                                            | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm                       |
| 7   | Âm nhạc 4 (Cánh điều)                      | Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.                                                                                | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8   | Mĩ thuật 4 (Chân trời sáng tạo Bản 1)      | Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.                                         | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                     |

|    |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                    |
|----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 9  | Hoạt động trải nghiệm 4 (Cánh điều)                           | Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế.                                                                                                                                   | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10 | Khoa học 4 (Cánh điều)                                        | Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.                                                                                                                                   | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11 | Lịch sử và Địa lí 4 (Cánh điều)                               | Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh. | NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh          |
| 12 | Tiếng Anh 3 (Global Success - Kết nối tri thức với cuộc sống) | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.                                                                                                          | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                     |

### 2.5. Đối với lớp 5:

| TT | Tên sách     | Tên tác giả                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nhà xuất bản                                       | Thuộc bộ sách        |
|----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------|
| 1  | Tiếng Việt 5 | Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga.<br>Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Trần Đức Hùng. | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh | Cánh điều            |
| 2  | Toán 5       | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.                                                                                                                                                                           | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm                       | Cánh điều            |
| 3  | Đạo đức 5    | Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tấn Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy                                                                                                                                               | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh | Cánh điều            |
| 4  | Tin học 5    | Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.                                                                                                                                                                              | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                     | Kết nối tri thức với |

|    |                              |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                           |                            |
|----|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------|
|    |                              |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                           | cuộc sống                  |
| 5  | Công nghệ 5                  | Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh.                                                                                                                                         | NXB Đại học Sư phạm Thành phố HCM         | Cánh điều                  |
| 6  | Giáo dục Thể chất 5          | Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.                                                                                                                            | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm              | Cánh điều                  |
| 7  | Âm nhạc 5                    | Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.                                                                                                                                          | NXB Đại học Sư phạm Thành phố HCM         | Cánh điều                  |
| 8  | Mĩ thuật 5                   | Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.                                                                                                                         | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam            | Chân trời sáng tạo (Bản 1) |
| 9  | Hoạt động trải nghiệm 5      | Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế.                                                                                                                                   | NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh            | Cánh điều                  |
| 10 | Khoa học 5                   | Bùi Phương Nga (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phạm Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.                                                                                                                              | NXB Đại học Sư phạm                       | Cánh điều                  |
| 11 | Lịch sử và Địa lí 5          | Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh. | NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh | Cánh điều                  |
| 12 | Tiếng Anh 5 (Global Success) | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.                                                                                                          | NXB Giáo dục Việt Nam                     | KNTT thức với cuộc sống    |

## 2.6. Đối với lớp 6:

| STT | Tên sách                                                | Tác giả                                                                                                                                                                                                                        | Nhà xuất bản                    |
|-----|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1   | Ngữ văn 6 (Tập 1)<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)   | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.                                                   | Giáo dục Việt Nam               |
|     | Ngữ văn 6 (Tập 2)<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)   | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng.                                                                                               |                                 |
| 2   | Toán 6 (Tập 1)<br>(Cánh diều)                           | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.                                                                                       | Đại học Sư phạm                 |
|     | Toán 6 (Tập 2)<br>(Cánh diều)                           | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.                                                                                       |                                 |
| 3   | Tiếng Anh 6 (Tập 1)                                     | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang.                                                                                                        | Giáo dục Việt Nam               |
|     | Tiếng Anh 6 (Tập 2)                                     | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.                                                                                      |                                 |
| 4   | Giáo dục công dân 6<br>(Cánh diều)                      | Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang.                                                                                                                                         | Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh |
| 5   | Khoa học tự nhiên 6<br>(Cánh diều)                      | Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Lê Minh Cầm, Ngô Ngọc Hoa, Lê Thị Phương Hoa, Phan Thị Thanh Hội, Đỗ Thanh Hữu, Cao Tiến Khoa, Lê Thị Thanh, Nguyễn Đức Trường, Trương Anh Tuấn. | Đại học Sư phạm                 |
| 6   | Lịch sử và Địa lý 6<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng                        | Giáo dục Việt Nam               |

|    |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                            |                                |
|----|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|    |                                                         | Anh Tuấn, Phí Công Việt.                                                                                                                                                                                                                   |                                |
| 7  | Tin học 6<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)           | Nguyễn Chí Công, Hà Đăng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.                                                                                                                                                                       | Giáo dục Việt Nam              |
| 8  | Công nghệ 6<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)         | Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú.                                                                                                           | Giáo dục Việt Nam              |
| 9  | Âm nhạc 6<br>(Cánh diều)                                | Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Nguyễn Quang Nhã.                                                                                                                                                             | Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh |
| 10 | Mĩ thuật 6<br>(Cánh diều)                               | Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Hồng Thắm.                                                                                                                                        | Đại học Sư phạm                |
| 11 | Giáo dục thể chất 6<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương. | Giáo dục Việt Nam              |
| 12 | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6<br>(Cánh diều)    | Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Bùi Thanh Xuân.                                                                                                                                              | Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh |

### 2.7. Đối với lớp 7:

| STT | Tên sách                                              | Tác giả                                                                                                                                                                         | Nhà xuất bản      |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1   | Ngữ văn 7 (Tập 1)<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương. | Giáo dục Việt Nam |
|     | Ngữ văn 7 (Tập 2)<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.                                                   |                   |
| 2   | Toán 7 (Tập 1)<br>(Cánh diều)                         | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.                                        | Đại học Sư phạm   |

|    |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                |
|----|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|    | Toán 7 (Tập 2)<br>(Cánh điều)                           | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.                                                                                                                                                                                                                                                   |                                |
| 3  | Tiếng Anh 7<br>Global Success                           | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.                                                                                                                                                                                                                                        | Giáo dục Việt Nam              |
| 4  | Giáo dục công dân 7<br>(Cánh điều)                      | Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.                                                                                                                                                                                                                                          | Đại học Huế                    |
| 5  | Khoa học tự nhiên 7<br>(Cánh điều)                      | Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Đào Tuấn Đạt, Phan Thị Thanh Hội, Ngô Văn Hưng, Đỗ Thanh Hữu, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Phạm Xuân Quế, Trương Anh Tuấn, Ngô Văn Vụ.                                                                                                                                                 | Đại học Sư phạm                |
| 6  | Lịch sử và Địa lý 7<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lý), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lý), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt. | Giáo dục Việt Nam              |
| 7  | Tin học 7<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)           | Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.                                                                                                                                                                                                                                                                     | Giáo dục Việt Nam              |
| 8  | Công nghệ 7<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)         | Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.                                                                                                                                                                                                                                                          | Giáo dục Việt Nam              |
| 9  | Âm nhạc 7<br>(Cánh điều)                                | Đỗ Thanh Hiền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Lại Thị Phương Thảo, Vũ Ngọc Tuyên.                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh |
| 10 | Mĩ thuật 7                                              | Phạm Văn Tuyến (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hường, Nguyễn Duy Khuê,                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đại học Sư phạm                |

|    |                                                         |                                                                                                                                                               |                                |
|----|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|    | (Cánh diều)                                             | Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.                                                                                                                          |                                |
| 11 | Giáo dục thể chất 7<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng. | Giáo dục Việt Nam              |
| 12 | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7<br>(Cánh diều)    | Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Xuân.                                              | Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh |

### 2.8. Đối với lớp 8:

| STT | Tên sách                                              | Tác giả                                                                                                                                                       | Tổ chức, cá nhân                                                                                                        |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ngữ văn 8 (Tập 1)<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.             | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                          |
|     | Ngữ văn 8 (Tập 2)<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương. |                                                                                                                         |
| 2   | Toán 8 (Tập 1)<br>(Cánh diều)                         | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.                      | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)<br>(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm) |
|     | Toán 8 (Tập 2)<br>(Cánh diều)                         | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.                      |                                                                                                                         |
| 3   | Tiếng Anh 8<br>Global Success                         | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.         | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                          |
| 4   | Giáo dục công dân 8<br>(Cánh diều)                    | Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.             | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)<br>(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại              |

|    |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                       |
|----|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | học Huế)                                                                                                              |
| 5  | Khoa học tự nhiên 8<br>(Cánh diều)                      | Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Lê Thị Phụng, Phạm Xuân Quế, Dương Xuân Quý, Đào Văn Toàn, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tuyết, Ngô Văn Vụ.                                                                            | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)  |
| 6  | Lịch sử và Địa lý 8<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lý), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt. | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                        |
| 7  | Tin học 8<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)           | Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.                                                                                                                                                                                           | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                        |
| 8  | Công nghệ 8<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)         | Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy.                                                                                                                                                                         | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                        |
| 9  | Âm nhạc 8<br>(Cánh diều)                                | Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyên.                                                                                                                                                                                                                                            | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC), (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)     |
| 10 | Mĩ thuật 8<br>(Cánh diều)                               | Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.                                                                                                                                                                                                       | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC), (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm) |
| 11 | Giáo dục thể chất 8                                     | Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhà xuất bản Giáo dục                                                                                                 |

|    |                                                   |                                                                                                                                |                                                                                                                                  |
|----|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | (Kết nối tri thức với cuộc sống)                  | Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn, Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung. | Việt Nam                                                                                                                         |
| 12 | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Cánh diều) | Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Xuân.               | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC), (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh) |

### 2.9.Đối với lớp 9:

| STT | Tên sách                                              | Tác giả                                                                                                                                                                   | Tổ chức, cá nhân                                                                                                        |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ngữ văn 9 (Tập 1)<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương. | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                          |
|     | Ngữ văn 9 (Tập 2)<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.                                     |                                                                                                                         |
| 2   | Toán 9 (Tập 1)<br>(Cánh diều)                         | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.                                  | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)<br>(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm) |
|     | Toán 9 (Tập 2)<br>(Cánh diều)                         | Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.                                  |                                                                                                                         |
| 3   | Tiếng Anh 9<br>Global Success                         | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.                     | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                          |
| 4   | Giáo dục công dân 9<br>(Cánh diều)                    | Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang, Trần Văn                | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)                                                    |

|    |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                      | Thắng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | (Đơn vị liên kết:<br>Nhà xuất bản Đại học Huế)                                                                          |
| 5  | Khoa học tự nhiên 9<br>(Cánh diều)                                                   | Đinh Quang Báo (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Oanh, Dương Xuân Quý (đồng Chủ biên), Lê Mạnh Cường, Phạm Thủy Giang, Vũ Thị Bích Huyền, Nguyễn Hữu Kiên, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Đức Long, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Đinh Trần Phương, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tươi, Dương Bá Vũ, Ngô Văn Vụ.                                                    | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)<br>(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm) |
| 6  | Lịch sử và Địa lý 9<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)                              | Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lý), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm. | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                          |
| 7  | Tin học 9<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)                                        | Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.                                                                                                                                                                                                                                             | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                          |
| 8  | Công nghệ 9 – Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng.                                                                                                                                                                                                                                     | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                          |
| 9  | Âm nhạc 9<br>(Cánh diều)                                                             | Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyên.                                                                                                                                                                                                                                                                         | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)<br>(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)     |
| 10 | Mĩ thuật 9<br>(Cánh diều)                                                            | Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Thị Hồng Thắm.                                                                                                                                                                                                                                    | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)                                                    |

|    |                                                         |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                    |
|----|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                         |                                                                                                                                                                    | (Đơn vị liên kết:<br>Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)                                                                                 |
| 11 | Giáo dục thể chất 9<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung. | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam                                                                                                     |
| 12 | Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9<br>(Cánh diều)  | Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Xuân.                                                   | Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)<br>(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh) |

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường TH&THCS Phù Long đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường TH&THCS Phù Long đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 (CSVC), giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá. Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường TH&THCS Phù Long đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá.

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
7. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

8. Viết báo cáo tự đánh giá.

9. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường, đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 3 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 (CSVN). Hiện tại, khu nhà đa năng và các công trình phụ trợ đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất trường chuẩn Quốc gia, chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn đã đưa vào sử dụng. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào năm 2029.

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### **1. Kế hoạch tuyển sinh:**

#### **a) Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2025 – 2026**

- Kế hoạch số 20/KH-TH&THCSPL ngày 16/5/2025 của trường TH&THCS Phù Long về công tác tuyển sinh năm học 2025-2026.

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Lớp 1: Trẻ 6 tuổi sinh năm 2019, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) ở bốn thôn (thôn Ngoài, thôn Bắc, thôn Nam, thôn Ao Cối) thuộc đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

+ Lớp 6: Trẻ 11 tuổi sinh năm 2014, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 6 ở độ tuổi từ 11 đến 13 tuổi. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) ở bốn thôn (thôn Ngoài, thôn Bắc, thôn Nam, thôn Ao Cối) thuộc đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Chỉ tiêu tuyển sinh:

+ Lớp 1: Số lớp: 02 lớp. Số HS: 40 học sinh.

+ Lớp 6: Số lớp 01 lớp; Số HS: 30 học sinh

- Thời gian tuyển sinh:

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 21/7/2025.

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: từ ngày 22/7/2025 đến hết ngày 25/7/2025.

#### **b) Thông tin về kết quả tuyển sinh thực tế của năm học trước**

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh 09 lớp với tổng số học sinh là:

| Khối lớp    | Số học sinh | Số lớp    | Trong đó   |            |               |
|-------------|-------------|-----------|------------|------------|---------------|
|             |             |           | HS nữ      | HS dân tộc | HS khuyết tật |
| 1           | 30          | 1         | 12         | 0          | 0             |
| 2           | 34          | 1         | 17         | 0          | 0             |
| 3           | 24          | 1         | 10         | 0          | 02            |
| 4           | 30          | 1         | 14         | 0          | 0             |
| 5           | 29          | 1         | 13         | 0          | 0             |
| <b>Cộng</b> | <b>147</b>  | <b>5</b>  | <b>65</b>  | <b>0</b>   | <b>02</b>     |
| 6           | 41          | 1         | 11         | 0          | 01            |
| 7           | 32          | 1         | 13         | 0          | 01            |
| 8           | 29          | 1         | 13         | 0          | 01            |
| 9           | 28          | 1         | 15         | 0          | 0             |
| <b>Cộng</b> | <b>130</b>  | <b>04</b> | <b>52</b>  | <b>0</b>   | <b>03</b>     |
| <b>Tổng</b> | <b>278</b>  | <b>09</b> | <b>117</b> | <b>0</b>   | <b>05</b>     |

- Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường:

| Khối lớp    | Số HS đầu năm | Số HS chuyển đến | Số HS chuyển đi |
|-------------|---------------|------------------|-----------------|
| 1           | 30            | 0                | 0               |
| 2           | 34            | 0                | 0               |
| 3           | 24            | 0                | 0               |
| 4           | 30            | 0                | 0               |
| 5           | 29            | 0                | 0               |
| 6           | 41            | 0                | 0               |
| 7           | 32            | 0                | 0               |
| 8           | 29            | 0                | 0               |
| 9           | 28            | 0                | 0               |
| Toàn trường | <b>278</b>    | 0                | 0               |

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2025-2026 nhà trường tuyển sinh 10 lớp với tổng số học sinh là:

| Khối lớp    | Số học sinh | Số lớp   | Trong đó  |            |               |
|-------------|-------------|----------|-----------|------------|---------------|
|             |             |          | HS nữ     | HS dân tộc | HS khuyết tật |
| 1           | 41          | 2        | 11        | 0          | 03            |
| 2           | 29          | 1        | 12        | 0          | 02            |
| 3           | 34          | 1        | 16        | 0          | 0             |
| 4           | 25          | 1        | 11        | 0          | 02            |
| 5           | 30          | 1        | 14        | 0          | 0             |
| <b>Cộng</b> | <b>159</b>  | <b>6</b> | <b>64</b> | <b>0</b>   | <b>07</b>     |

|                  |            |           |            |          |           |
|------------------|------------|-----------|------------|----------|-----------|
| 6                | 28         | 1         | 12         | 0        | 0         |
| 7                | 41         | 1         | 12         | 0        | 01        |
| 8                | 32         | 1         | 13         | 0        | 01        |
| 9                | 28         | 1         | 12         | 0        | 01        |
| <b>Cộng</b>      | <b>131</b> | <b>4</b>  | <b>50</b>  | <b>0</b> | <b>03</b> |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>160</b> | <b>10</b> | <b>114</b> | <b>0</b> | <b>10</b> |

- Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường:

| Khối lớp           | Số HS đầu năm | Số HS chuyển đến | Số HS chuyển đi | Số HS hiện tại |
|--------------------|---------------|------------------|-----------------|----------------|
| 1                  | 41            | 0                | 01              | 40             |
| 2                  | 29            | 0                | 0               | 29             |
| 3                  | 34            | 01               | 02              | 34             |
| 4                  | 25            | 01               | 0               | 25             |
| 5                  | 30            | 0                | 0               | 30             |
| <b>Cộng</b>        | <b>159</b>    | <b>02</b>        | <b>03</b>       | <b>158</b>     |
| 6                  | 28            | 01               | 01              | 28             |
| 7                  | 43            | 0                | 02              | 41             |
| 8                  | 32            | 0                | 0               | 32             |
| 9                  | 28            | 01               | 0               | 29             |
| <b>Cộng</b>        | <b>131</b>    | <b>02</b>        | <b>03</b>       | <b>130</b>     |
| <b>Toàn trường</b> | <b>160</b>    | <b>04</b>        | <b>06</b>       | <b>158</b>     |

## 2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Xây dựng và tổ chức thực hiện, công khai kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

## 3. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

### 3.1. Cấp Tiểu học: Đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020:

#### a) Về năng lực:

| Năng lực cốt lõi<br>(Năng lực chung.<br>Năng lực đặc thù) | Tốt |       | Đạt |       | Cần cố gắng |       | Số HS được đánh giá | HS không tham gia đánh giá |
|-----------------------------------------------------------|-----|-------|-----|-------|-------------|-------|---------------------|----------------------------|
|                                                           | SL  | Tỷ lệ | SL  | Tỷ lệ | SL          | Tỷ lệ |                     |                            |
| <i>Năng lực chung</i>                                     |     |       |     |       |             |       | 145                 | 03 KT                      |
| Tự chủ và tự học                                          | 66  | 45,5% | 79  | 54,5% | 0           | 0     |                     |                            |
| Giao tiếp và hợp tác                                      | 78  | 53,8% | 67  | 46,2% | 0           | 0     |                     |                            |
| GQVĐ và sáng tạo                                          | 73  | 50,3% | 72  | 49,7% | 0           | 0     |                     |                            |

| <i>Năng lực đặc thù</i> |    |       |    |       |   |      |     |       |
|-------------------------|----|-------|----|-------|---|------|-----|-------|
| Ngôn ngữ                | 72 | 49,7% | 71 | 49,0% | 2 | 1,4% |     |       |
| Tính toán               | 70 | 48,3% | 73 | 50,3% | 2 | 1,4% |     |       |
| Khoa học                | 76 | 52,4% | 69 | 47,6% | 0 | 0    |     |       |
| Công nghệ/83            | 52 | 62,7% | 31 | 37,3% | 0 | 0    | 83  | 01 KT |
| Tin học/83              | 45 | 54,2% | 38 | 45,8% | 0 | 0    |     |       |
| Thẩm mỹ                 | 79 | 54,5% | 66 | 45,5% | 0 | 0    | 145 | 03 KT |
| Thể chất                | 83 | 57,2% | 62 | 42,8% | 0 | 0    |     |       |

## b) Về Phẩm chất:

| Phẩm chất chủ yếu | Tốt |       | Đạt |       | Cần cố gắng |       | Số HS được đánh giá | HS không tham gia đánh giá |
|-------------------|-----|-------|-----|-------|-------------|-------|---------------------|----------------------------|
|                   | SL  | Tỷ lệ | SL  | Tỷ lệ | SL          | Tỷ lệ |                     |                            |
| Yêu nước          | 145 | 100%  | 0   | 0     | 0           | 0     | 145                 | 3 KT                       |
| Nhân ái           | 126 | 86,9% | 19  | 13,1% | 0           | 0     |                     |                            |
| Chăm chỉ          | 73  | 50,3% | 70  | 48,3% | 2           | 1,4%  |                     |                            |
| Trung thực        | 92  | 63,4% | 53  | 36,6% | 0           | 0     |                     |                            |
| Trách nhiệm       | 72  | 49,7% | 73  | 50,3% | 0           | 0     |                     |                            |

## c) Về Môn học và Hoạt động giáo dục:

| Môn học    | Tổng số HS tham gia đánh giá | Hoàn thành tốt |       | Hoàn thành |       | Chưa hoàn thành |      |
|------------|------------------------------|----------------|-------|------------|-------|-----------------|------|
|            |                              | SL             | TL%   | SL         | TL%   | SL              | TL%  |
| Tiếng Việt | 145                          | 61             | 42,1% | 82         | 56,5% | 2               | 1,4% |
| Toán       | 145                          | 62             | 42,8% | 81         | 55,7% | 2               | 1,4% |
| HĐTN       | 145                          | 71             | 49,0% | 74         | 51,0% | 0               | 0    |
| TNXH       | 86                           | 46             | 53,5% | 40         | 46,5% | 0               | 0    |
| Khoa học   | 59                           | 29             | 49,2% | 30         | 50,8% | 0               | 0    |
| LS - ĐL    | 59                           | 27             | 45,8% | 32         | 54,2% | 0               | 0    |
| Đạo đức    | 145                          | 79             | 54,5% | 66         | 45,5% | 0               | 0    |
| Âm nhạc    | 145                          | 74             | 51,0% | 71         | 49,0% | 0               | 0    |
| Mĩ thuật   | 145                          | 77             | 53,1% | 68         | 46,9% | 0               | 0    |
| Công nghệ  | 83                           | 43             | 51,8% | 40         | 48,2% | 0               | 0    |
| Tin học    | 83                           | 35             | 42,6% | 48         | 57,4% | 0               | 0    |
| GDTC       | 144                          | 78             | 54,2% | 66         | 45,2% | 0               | 0    |
| Tiếng Anh  | 145                          | 34             | 41,0% | 48         | 57,8% | 1               | 1,2% |

## d) Tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục cuối năm học:

| Lớp | TS HS | HT xuất sắc | HT tốt | HT | Chưa HT |
|-----|-------|-------------|--------|----|---------|
|-----|-------|-------------|--------|----|---------|

|             | <b>đánh giá</b> | <b>SL</b> | <b>%</b>     | <b>SL</b> | <b>%</b>     | <b>SL</b> | <b>%</b>     | <b>SL</b> | <b>%</b>    |
|-------------|-----------------|-----------|--------------|-----------|--------------|-----------|--------------|-----------|-------------|
| Lớp 1       | 28              | 4         | 14,3%        | 7         | 25,0%        | 16        | 57,1%        | 1         | 3,6%        |
| Lớp 2       | 34              | 9         | 26,5%        | 5         | 14,7%        | 20        | 58,8%        | 0         | 0           |
| Lớp 3       | 24              | 6         | 25,0%        | 5         | 20,8%        | 12        | 50%          | 1         | 4,2%        |
| Lớp 4       | 30              | 5         | 16,7%        | 6         | 20,0%        | 18        | 60,0%        | 1         | 3,3%        |
| Lớp 5       | 29              | 7         | 42,1%        | 4         | 13,8%        | 18        | 62,1%        | 0         | 0           |
| <b>Tổng</b> | <b>145</b>      | <b>31</b> | <b>21,4%</b> | <b>26</b> | <b>17,9%</b> | <b>85</b> | <b>58,6%</b> | <b>3</b>  | <b>2,1%</b> |

- Khen thưởng:

Học sinh Hoàn thành xuất sắc: 31 HS đạt 21,4%

Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: 26 HS đạt 17,9%

Tổng số học sinh được khen thưởng: 57/145 HS đạt 39,3%.

- Học sinh đạt giải cấp huyện:

+ Hội thi Sơn ca-Chúng em kể chuyện Bác Hồ: 01 giải Ba (lớp 4)

+ Hội thi Đấu trường ViooEdu cấp huyện: 08 em. Trong đó, Hoàn thành xuất sắc: 4 em (lớp 1, 2, 4); Hoàn thành tốt: 4 em (lớp 2,4,5).

### 3.2. Cấp THCS:

Đánh giá chất lượng hai mặt giáo dục học sinh trong cả năm học 2024 – 2025

#### a. Kết quả học tập

| Lớp         | Tổng số học sinh | Số học sinh được đánh giá | Tốt       |             | Khá       |              | Đạt       |              | Chưa đạt  |              |
|-------------|------------------|---------------------------|-----------|-------------|-----------|--------------|-----------|--------------|-----------|--------------|
|             |                  |                           | SL        | %           | SL        | %            | SL        | %            | SL        | %            |
| Lớp 6       | 42               | 41                        | 01        | 2,44        | 11        | 26,83        | 14        | 34,14        | 15        | 36,59        |
| Lớp 7       | 32               | 31                        | 01        | 3,23        | 04        | 12,90        | 15        | 48,39        | 11        | 35,48        |
| Lớp 8       | 28               | 27                        | 0         | 0           | 06        | 22,22        | 14        | 51,85        | 07        | 25,93        |
| Lớp 9       | 20               | 20                        | 0         | 0           | 04        | 20,00        | 16        | 80,00        | 0         | 0            |
| <b>Tổng</b> | <b>122</b>       | <b>119</b>                | <b>02</b> | <b>1,68</b> | <b>25</b> | <b>21,01</b> | <b>59</b> | <b>49,58</b> | <b>33</b> | <b>27,73</b> |

#### b. Kết quả rèn luyện

| Lớp         | Tổng số học sinh | Số học sinh được đánh giá | Tốt       |              | Khá       |              | Đạt       |             | Chưa đạt |          |
|-------------|------------------|---------------------------|-----------|--------------|-----------|--------------|-----------|-------------|----------|----------|
|             |                  |                           | SL        | %            | SL        | %            | SL        | %           | SL       | %        |
| Lớp 6       | 42               | 41                        | 25        | 60,98        | 14        | 34,14        | 02        | 4,88        | 0        | 0        |
| Lớp 7       | 32               | 31                        | 17        | 54,84        | 14        | 45,16        | 0         | 0           | 0        | 0        |
| Lớp 8       | 28               | 27                        | 18        | 66,67        | 09        | 33,33        | 0         | 0           | 0        | 0        |
| Lớp 9       | 20               | 20                        | 15        | 75,00        | 03        | 15,00        | 02        | 10          | 0        | 0        |
| <b>Tổng</b> | <b>122</b>       | <b>119</b>                | <b>75</b> | <b>63,03</b> | <b>40</b> | <b>33,61</b> | <b>04</b> | <b>3,36</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

#### c. Danh sách Học sinh Giỏi năm học 2024 – 2025

| STT | Họ và tên | Lớp | Ngày sinh | Danh hiệu |
|-----|-----------|-----|-----------|-----------|
|-----|-----------|-----|-----------|-----------|

|   |                 |   |            |               |
|---|-----------------|---|------------|---------------|
| 1 | Nguyễn Thế Vinh | 6 | 10/12/2013 | Học sinh Giỏi |
| 2 | Nguyễn Trâm Anh | 7 | 16/03/2012 | Học sinh Giỏi |

**d. Danh sách học sinh đạt giải cuộc thi các cấp**

| STT                                                                                                                     | Họ và tên         | Lớp | Ngày sinh  | Thành tích                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----|------------|-------------------------------|
| <b>I. Kỳ thi Olympic các môn Khoa học tự nhiên do Hội Hoá học Việt Nam tổ chức</b> (Giáo viên hướng dẫn: Đào Thị Hương) |                   |     |            |                               |
| 1                                                                                                                       | Nguyễn Trâm Anh   | 7   | 16/03/2012 | Huy chương Đồng               |
| <b>II. Đấu trường ViOEdu vòng cấp huyện</b> (Giáo viên hướng dẫn: Nguyễn Đình Thao (lớp 6), Đoàn Hồng Công (lớp 7))     |                   |     |            |                               |
| 1                                                                                                                       | Đặng Thị Ngọc Hân | 6   | 26/09/2013 | Hoàn thành vòng thi cấp huyện |
| 2                                                                                                                       | Nguyễn Đức Tuệ    | 7   | 07/05/2012 | Hoàn thành vòng thi cấp huyện |
| 3                                                                                                                       | Vũ Hải Mạnh Quân  | 7   | 07/07/2012 | Hoàn thành vòng thi cấp huyện |

**e. Xếp loại tập thể lớp**

- Tập thể lớp tiên tiến: lớp 6, lớp 7, lớp 8.
- Tập thể lớp tiên tiến xuất sắc: lớp 9.

**h. Danh sách học sinh phải rèn luyện lại trong hè năm học 2024 – 2025**

| STT | Họ và tên           | Lớp | Ngày sinh  | Ghi chú                  |
|-----|---------------------|-----|------------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Hoàng Hải An | 6   | 14/07/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 2   | Nguyễn Bá Đạt       | 6   | 28/06/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 3   | Phạm Gia Hưng       | 6   | 27/08/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 4   | Bùi Đình Anh Khang  | 6   | 30/10/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 5   | Nguyễn Nam Khánh    | 6   | 16/10/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 6   | Bùi Thái Long       | 6   | 25/11/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 7   | Nguyễn Công Minh    | 6   | 25/09/2010 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 8   | Vũ Công Minh        | 6   | 12/06/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 9   | Vũ Quang Minh       | 6   | 21/11/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 10  | Vũ Tuấn Minh        | 6   | 15/04/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 11  | Bùi Trung Nghĩa     | 6   | 18/10/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 12  | Đỗ Đức Nhật         | 6   | 14/10/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |

|    |                       |   |            |                          |
|----|-----------------------|---|------------|--------------------------|
| 13 | Nguyễn Phương Tâm     | 6 | 22/02/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 14 | Nguyễn Thiện Tâm      | 6 | 22/10/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 15 | Trần Quốc Việt        | 6 | 22/06/2013 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 16 | Trần Chí Công         | 7 | 05/05/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 17 | Nguyễn Đình Đường     | 7 | 21/04/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 18 | Nguyễn Ngọc Gia Huy   | 7 | 12/07/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 19 | Nguyễn Bảo Long       | 7 | 20/01/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 20 | Nguyễn Hữu Thành Long | 7 | 03/12/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 21 | Bùi Nhật Minh         | 7 | 28/11/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 22 | Bùi Bảo Ngọc          | 7 | 07/09/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 23 | Vũ Minh Quân          | 7 | 28/12/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 24 | Bùi Văn Thái          | 7 | 12/05/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 25 | Bùi Thái Trung        | 7 | 15/08/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 26 | Tô Anh Vũ             | 7 | 09/03/2012 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 27 | Nguyễn Duy Anh        | 8 | 22/07/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 28 | Nguyễn Đình Huân      | 8 | 30/12/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 29 | Nguyễn Hải Ninh       | 8 | 13/08/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 30 | Vũ Quốc Phong         | 8 | 14/08/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 31 | Bùi Thị Phương        | 8 | 03/09/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 32 | Bùi Thị Khánh Phương  | 8 | 24/05/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |
| 33 | Nguyễn Hoàng Tú       | 8 | 11/11/2011 | Kết quả học tập Chưa đạt |

**4. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học; học sinh tốt nghiệp THCS; số lượng học sinh được trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026;**

**a) Cấp tiểu học:**

- Tổng số học sinh cấp tiểu học tham gia đánh giá: 145/148 em.
- + Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 142/145 em đạt 97,9%.
- + Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 29/29 em đạt 100%.
- + Số học sinh chưa hoàn thành các môn học, hoạt động giáo dục: 03/145 = 2,1%.

**b) Cấp THCS**

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình THCS: 20/20 học sinh = 100%.

- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp THCS: 20/20 học sinh = 100%.
- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào THPT công lập: 19/20 HS đạt 95%
- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào THPT dân lập: 01/20 HS đạt 0,5%.
- Số lượng học sinh học tại Trung tâm GDNN-GDTX: 0 học sinh.
- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 0
- Số lượng học sinh không đi học tại trường THPT, Trung tâm GDNN-GDTX, cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 0 học sinh.

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH,**

### **1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025**

Căn cứ kế hoạch dự thu – chi năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 8/01/2025 của Ủy ban Nhân dân huyện Cát Hải về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí quản lý hành chính cho các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của UBND huyện Cát Hải Về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên ngân sách huyện năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của UBND đặc khu Cát Hải Về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp năm 2025

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

\*) Nguồn ngân sách năm 2025: ĐVT: đồng

| <b>Số TT</b> | <b>Nội dung</b>                             | <b>Dự toán được giao</b> |
|--------------|---------------------------------------------|--------------------------|
| <b>A</b>     | <b>Tổng số thu, chi, tiền học phí</b>       | <b>0</b>                 |
| I            | Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | -                        |
| 1            | Số thu phí, lệ phí                          | -                        |
| a            | Học phí                                     |                          |
| b            | Thu từ cấp bù học phí                       |                          |
| 2            | Chi từ nguồn thu phí được để lại            | -                        |
| 2.1          | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề   | -                        |
| a            | Chi lương                                   | -                        |
| b            | Chi hoạt động                               | -                        |
| <b>B</b>     | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>       | <b>6.386.704.722</b>     |
| I            | Nguồn ngân sách trong nước                  | 6.386.704.722            |
| 3            | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | 6.386.704.722            |
| 3.1          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              | 5.738.643.722            |
| 3.11         | Quỹ tiền lương                              | 4.633.924.342            |
| 3.12         | Chi hoạt động                               | 1.104.719.380            |

|       |                                                              |             |
|-------|--------------------------------------------------------------|-------------|
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                         | 648.061.000 |
| 3.2.1 | Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất | 648.061.000 |

**2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025 – 2026:**

| Nội dung                                                                                                                                     | Số học sinh | Số tiền    | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------|
| Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND | 3           | 1.800.000  |         |
| Học kỳ II năm học 2024 - 2025                                                                                                                | 122         | 37.820.000 |         |
| Học kỳ 1 năm học 2025-2026                                                                                                                   | 130         | 32.550.000 |         |
| Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐTBLĐTBXH                               |             |            |         |
| Hỗ trợ học bổng                                                                                                                              | 0           | 0          |         |
| Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập                                                                                                          | 0           | 0          |         |

**3. Công khai các khoản thu năm học 2025 - 2026 và dự kiến 2 năm tiếp theo**

| STT | Nội dung                           | Đơn vị tính            | Mức thu                                           | Ghi chú                 |
|-----|------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|
|     | <b>Năm học 2025-2026</b>           |                        |                                                   |                         |
| 1   | Quỹ đội                            | đồng/học sinh/ năm học | 35.000đ                                           | Theo KH số 313/TĐ-SGDĐT |
| 2   | Hỗ trợ 2 buổi / ngày               | đồng/học sinh/tháng    | 30.000đ                                           | Theo NQ 02/2024-HĐNDTP  |
| 3   | Bảo hiểm y tế                      | đồng/học sinh/tháng    | 631.800đ                                          |                         |
|     | <b>Dự kiến năm học 2026 - 2027</b> |                        |                                                   |                         |
| 1   | Bảo hiểm y tế                      | đồng/học sinh/ năm học | Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền |                         |

|                                    |                      |                        |         |                                                   |
|------------------------------------|----------------------|------------------------|---------|---------------------------------------------------|
| 2                                  | Quỹ đội              | đồng/học sinh/ năm học | 35.000đ | Theo KH số 313/TĐ-SGDĐT                           |
| 3                                  | Hỗ trợ 2 buổi / ngày | đồng/học sinh/tháng    | 30.000đ | Theo NQ 08/2024-HĐNDTP                            |
| <b>Dự kiến năm học 2027 - 2028</b> |                      |                        |         |                                                   |
| 1                                  | Bảo hiểm y tế        | đồng/học sinh/ năm học |         | Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền |
| 2                                  | Quỹ đội              | đồng/học sinh/ năm học | 35.000đ | Theo KH số 313/TĐ-SGDĐT                           |
| 3                                  | Hỗ trợ 2 buổi / ngày | đồng/học sinh/tháng    | 30.000đ | Theo NQ 08/2024-HĐNDTP                            |

#### 4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2025

| STT | Nội dung               | ĐVT  | Số tiền   | Ghi chú           |
|-----|------------------------|------|-----------|-------------------|
| 1   | Số dư tiền gửi kho bạc | Đồng | 2.893.092 | TK 3713.0.1045601 |
| 2   | Số dư tiền gửi kho bạc | Đồng | 2.276.978 | TK 3716.0.1045601 |

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Các phong trào thi đua trọng tâm

*1.1. Thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với các cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”; “Xây dựng cơ quan văn hóa, gia đình nhà giáo văn hóa”, Kế hoạch số 132-KH/HU, ngày 05/5/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy Cát Hải và Kế hoạch số 130/KH-UBND, ngày 06/5/2025 của UBND huyện Cát Hải về việc thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-TW.*

Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường đã thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, tác phong, lối sống, có trách nhiệm và yêu thương học sinh; đẩy mạnh công tác tự học, tự bồi dưỡng, đề cao tính chủ động và sáng tạo của giáo viên; đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm đạo đức nhà giáo.

Các thầy giáo, cô giáo đã dạy học lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục cho học sinh "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" qua các môn học và trong các hoạt động giáo dục bằng những việc làm cụ thể, thiết thực, kết quả các việc làm cụ thể là cơ sở để bình xét thi đua.

*Kết quả:*

Nhà trường xây dựng khối đoàn kết, trong năm học không xảy ra đơn thư khiếu kiện, tố cáo và không có giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo; cơ quan đạt chuẩn văn hóa.

100% giáo viên thực hiện tốt chương trình và kế hoạch giáo dục, chế độ thông tin báo cáo; thực hiện quy chế chuyên môn.

100% gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình nhà giáo văn hoá” cấp cơ sở.

100% CBQL, GV, NV xếp loại tốt trong đánh giá thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 và cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”.

100% CB, GV, NV thực hiện nghiêm túc việc nghiên cứu khoa học, công nghệ (SKKN, Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục), đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

*1.2. Thi đua “Dạy tốt - Học tốt”, “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” năm học 2024-2025.*

Công tác thi đua khen thưởng được quan tâm, tạo dựng được phong trào thi đua sôi nổi trong nhà trường. Trong 2 đợt phát động thi đua có 100% giáo viên và học sinh các lớp đăng ký thi đua “Dạy tốt - Học tốt”. Sau mỗi đợt thi đua, các tổ chuyên môn và nhà trường đều tổ chức sơ kết, đánh giá và biểu dương những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc.

Trong năm học, thầy và trò nhà trường đã tích cực tham gia các hội thi các cấp tổ chức. Kết quả:

- Lên lớp dạy tốt: Toàn trường triển khai thi đua dạy tốt học tốt qua bốn đợt thi đua với tổng số tiết dạy là 92 tiết tiết dạy tốt. Trong đó, xếp loại: Tốt: 53 tiết; Khá: 39 tiết;

- Hội thảo, chuyên đề: Đã tổ chức được 30 chuyên đề cấp trường, cấp nhóm cụm, cấp huyện (Tiểu học 10; THCS 20) tập trung vào các vấn đề mới, khó. Chuyên đề nhóm cụm tiểu học: 55 lượt ở các khối lớp.

- Giáo viên tham gia các hội thi Cấp trường:

- + 13/13 đ/c thi và đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường.

- + 4/4 đ/c thi và đạt giáo viên THCS chủ nhiệm lớp giỏi.

- Các hội thi Cấp huyện:

- + GVĐG: có 02 giáo viên tham gia thi và 01 đ/c đạt giáo viên tiểu học dạy giỏi cấp huyện (đ/c Nguyễn Thị Lan Anh)

- + GV chủ nhiệm lớp giỏi: có 01 giáo viên tham gia thi và đạt giáo viên THCS chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện (đ/c Đoàn Hồng Công).

- + Có 01 sản phẩm tham gia cuộc thi KHKT; có học sinh lớp 9 tham gia thi HS giỏi.

+Kết quả tự đánh giá chuẩn giáo viên: Tốt: 05/16 (đ/c Thương, Quỳnh, Lan Anh, Sen, Công, Thao, Nhó); Khá 11/16; chuẩn Hiệu trưởng đạt khá, Phó Hiệu trưởng đạt tốt.

- Học sinh tham gia và đạt giải các Hội thi, cuộc thi: Sơn ca-chúng em kể chuyện Bác Hồ cấp huyện; cuộc thi Đấu trường VioEdu cấp huyện, cấp thành phố; Kỳ thi Olympic các môn Khoa học tự nhiên do Hội Hoá học Việt Nam tổ chức.

- Học sinh được khen thưởng:

+ Cấp Tiểu học: Tổng số học sinh được khen thưởng: 57/145 HS = 39,3%. Trong đó, Học sinh Hoàn thành xuất sắc: 31 HS = 21,4%; Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: 26 HS = 17,9%.

01 học sinh đạt giải Ba hội thi Sơn ca-chúng em kể chuyện Bác Hồ cấp huyện; 11 học sinh hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành cuộc thi Đấu trường VioEdu cấp huyện; 07 em tham gia thi cấp thành phố;

+ Cấp THCS: Học sinh giỏi 02/119 (1,68%). Có 03 học sinh hoàn thành cuộc thi Đấu trường VioEdu cấp huyện; 01 em đạt Huy chương Đồng Kỳ thi Olympic các môn Khoa học tự nhiên do Hội Hoá học Việt Nam tổ chức.

- Công tác thi vào 10 THPT: 100% học sinh không bị điểm liệt ở các môn thi, đỗ vào lớp 10 THPT; 19/20 đạt 95% HS đỗ vào lớp 10 THPT công lập; 01 HS học lớp 10 THPT dân lập. Điểm TB chưa cao (16,31).

### *1.3. Phong trào thi đua “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”*

- 100% CBQL, GV, NV nữ tích cực tham gia phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động, sáng tạo xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc” và thực hiện 5 chuẩn mực người phụ nữ ngành Giáo dục thời kì CNH-HĐH đất nước.

- Có 12/14 CBQL, GV, NV nữ đạt “Giỏi việc trường- đảm việc nhà” cấp trường; 02 đ/c đạt “Giỏi việc trường- đảm việc nhà” cấp cơ sở.

### *1.4. Phong trào thi đua “Lao động giỏi - Lao động sáng tạo”*

- 100% đoàn viên tham gia viết sáng kiến trong đó có 21 sáng kiến được công nhận cấp trường; 01 sáng kiến được công nhận cấp huyện.

- CBQL, GV, NV tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy; khai thác và sử dụng có hiệu quả phương tiện, đồ dùng dạy học; Có nhiều đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cả 2 cấp học.

### *1.5. Hoạt động nhân đạo, từ thiện*

- Triển khai ủng hộ các loại quỹ (từ tháng 8/2024 đến tháng 5/2025) với tổng số tiền là 8.553.000 nghìn đồng. Trong đó: Quỹ khuyến học huyện năm 2024 (1.050.000); Quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2024 (1.050.000); Ủng hộ quỹ nhân đạo, tình thương Đà Nẵng (3.310.000); Quỹ phòng chống thiên tai năm 2025 (1.113.000); ủng hộ quỹ bút nhân đạo (500.000); Quỹ mái ấm công đoàn (1.530.000).

- Nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau. Kịp thời thăm hỏi, động viên ĐV, LĐ khi có ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ, khen thưởng ... kịp thời tới cán bộ đoàn viên với tổng số tiền là: 3.900.000đồng.

## **2. Các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2024-2025**

### *2.1. Cá nhân*

- LĐTT: 21/21 đ/c, đạt 100%
- CSTĐ cơ sở: 03/21 đ/c, đạt 14,3% (đ/c Đoàn Hồng Công, Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Hiệp Hòa)
- Kết quả đánh giá viên chức: Xuất sắc: 03/21 = 14,3%; Khá: 18/21 = 85,7%.

### *2.2. Tập thể*

- Nhà trường: Đạt Tập thể lao động tiên tiến.
- Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Chi Đoàn: Chi đoàn văn minh cấp thành phố.
- Liên Đội: "Liên đội mạnh" cấp thành phố.

### *2.3. Chi bộ Đảng*

- Công tác phát triển Đảng: Kết nạp đảng chính thức cho 01 đ/c (đ/c Phạm Minh Châm); cử 01 quần chúng ưu tú tham gia học lớp tìm hiểu về Đảng (Nguyễn Văn Quang).

- Đánh giá xếp loại Chi bộ Đảng cuối năm 2024: Hoàn thành Tốt nhiệm vụ; 17/17 đảng viên Hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 03 đ/c đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (đ/c Nguyễn Thị Thương Quỳnh, Lý Phương Thảo, Nguyễn Thị Hiệp Hòa).

### *2.4. Công tác khen thưởng*

- Nhà trường và Công đoàn trường khen CB, GV, NV:
  - + Nhà trường khen thưởng 08 đ/c có nhiều đóng góp trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025; Lớp đạt lớp tiên tiến xuất sắc: Lớp 5, lớp 9; Tổ Tiên tiến xuất sắc: 02 (Tổ Tiểu học, Tổ VP).
  - + Công đoàn khen thưởng 08 đ/c có nhiều đóng góp trong hoạt động công đoàn và phong trào thi đua năm học 2024-2025.
- Hội CMHS khen thưởng 49 học sinh xuất sắc, học sinh giỏi, học sinh tiêu biểu, học sinh đạt giải các cấp;
- Hội khuyến học xã Phù Long (cũ) khen thưởng:
  - + Giáo viên đạt giải cấp huyện: 02 đạt GVDG, GVCN giỏi; 01 GV có HS đạt giải Ba hội thi Sơn ca-chúng em kể chuyện Bác Hồ.
  - + Học sinh: Khen thưởng 49 học sinh. Trong đó, học sinh xuất sắc 31 em; học sinh giỏi 02 em; 01 học sinh đạt giải Ba hội thi Sơn ca-chúng em kể chuyện Bác Hồ; 14 học sinh hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành cuộc thi Đấu trường VioEdu cấp huyện, 07 em tham gia thi cấp thành phố; 01 em đạt Huy chương Đồng Kỳ thi Olympic các môn Khoa học tự nhiên do Hội Hoá học Việt Nam tổ chức.

- Đảng ủy xã Phù Long (cũ) tặng giấy khen 01 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (đ/c Nguyễn Thị Hiệp Hòa).

- Hội Khuyến học huyện Cát Hải khen thưởng 01 học sinh xuất sắc (Vũ Tuệ Anh - Lớp 2).

- UBND huyện Cát Hải khen thưởng: 01 giáo viên được tặng giấy khen của UBND huyện (đ/c Đoàn Hồng Công);

- LĐLĐ huyện Cát Hải công nhận danh hiệu thi đua và tặng giấy khen: Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Thành đoàn Hải Phòng công nhận các danh hiệu: Chi đoàn văn minh cấp thành phố; Liên đội mạnh cấp thành phố; 01 đ/c nhận bằng khen của Ban Thường vụ Thành đoàn Hải Phòng (đ/c Nguyễn Đình Thao).

- Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng khen 01 có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm học 2024-2025 ( đ/c (Nguyễn Thị Hiệp Hòa).

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2025 (*Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) của trường TH&THCS Phù Long.

**Nơi nhận:**

- Chi bộ, BGH;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thế Thanh**